



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI
UTXICO



SÓC TRĂNG, NGÀY 29/ 04/ 2010



I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

1. Những sự kiện quan trọng:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**
- Tên giao dịch: **UTXI AQUATIC PRODUCTS PROCESSING CORPORATION**

- Logo:



- Vốn điều lệ: 195.000.000.000 đồng;
- Điện thoại: (84-079) 3660676 – 3852953 – 3852671;
- Fax: (84-079) 3852676 – 3852952 – 3852670;
- Website: www.uxi.com.vn;
- Email: uxi@hcm.vnn.vn;
- Trụ sở: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- Giấy phép kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2200203836 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần thứ 9, ngày 19/04/2010.

Tiền thân Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là doanh nghiệp tư nhân hoạt động chính trong lĩnh vực mua bán tôm nguyên liệu cho các nhà máy thủy sản trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2002, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức đi vào hoạt động với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy sản xuất khẩu.

Ngày 15/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5903000042 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/06/2006.

Là thành viên của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là đơn vị đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng sản xuất theo mô hình khép kín từ nuôi trồng đến chế biến và kinh doanh.

Văn phòng Công ty:



Các chi nhánh trực thuộc:

(1). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phương:

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



(2). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phong:

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.





(3). Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã:

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



(4). Xí nghiệp Nuôi trồng thủy sản:

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng, chế biến và mua bán thủy sản;
- Sản xuất, mua bán con giống thủy sản các loại;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho chứa hàng; đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu; máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ (xe đông lạnh).



+ Tình hình hoạt động:

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức hoạt động từ năm 2002 và có lãi từ năm thứ 2. Doanh thu và lợi nhuận qua các năm điều tăng, cụ thể: Doanh thu năm 2007, 2008 và năm 2009 là 928,77 tỷ đồng, 873,99 tỷ đồng và 1.294,03 tỷ đồng, tương ứng với lợi nhuận: 16,04 tỷ đồng, 6,03 tỷ đồng và 28,46 tỷ đồng.

Sau 08 năm hoạt động (từ 2002 -2010), Công ty Cổ phần chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt được những danh hiệu trong sản xuất kinh doanh sau:

- Cờ thi đua của Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua trong hai năm 2005, 2006.
- Bộ thương mại tặng bằng khen về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2005, 2006.
- Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam về thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp năm 2005.
- Bằng khen của Bộ Y tế về thành tích bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động trong năm 2001 – 2005.
- Năm 2006, Công ty đạt danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc (giải pháp về thị trường xuất khẩu tốt nhất) và doanh nghiệp đạt “thương hiệu vàng chất lượng” năm 2006. Và doanh nghiệp 3 năm liền xuất khẩu uy tín năm 2004, 2005, 2006.
- Đạt thương hiệu xanh năm 2008 và 2009 do liên hiệp các khoa học kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
- Đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, 2008.
- Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho cá nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
- Và nhiều bằng khen khác của UBND tỉnh Sóc Trăng, các Bộ, ngành Trung ương và các Ban ngành cấp tỉnh cho tập thể và cá nhân trong Công ty.

3. Định hướng phát triển:

+ Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Đa dạng hoá sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao là chiến lược kinh doanh của Công ty. Ngoài những sản phẩm cao cấp đang sản xuất thường xuyên cho các thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Hồng Kông, v.v., như tôm tươi, tôm hấp chín, tôm xiên que, Nobashi, tôm tằm bột thông thường, Sushi, v.v.. theo yêu cầu của thị trường; công ty đã cơ bản hoàn thành việc lập qui trình chế biến và thống nhất qui cách với khách hàng để giới thiệu một số mặt hàng mới ra thị trường như:

- **Thị trường Châu Âu** : Tôm xẻ bướm tằm bột dứa, Tôm xiên que tằm gia vị với nhiều vị khác nhau như : Tôm xiên que tằm gia vị hương tỏi, Tôm xiên que tằm gia vị hương chanh, v.v...
- **Thị trường Mỹ**: Bánh tôm bao bột kiểu Châu Á, Tôm bao bánh tráng rế, Bắp cải cuộn nhân tôm, Khô qua nhồi tôm. v.v...
- **Thị trường Hồng Kông**: Hoàn thánh nhân tôm, Nấm đông cô nhồi tôm, v.v..

Công ty cũng đang phối hợp với khách hàng Ai Cập, Hy Lạp cùng nghiên cứu giới thiệu thêm một số mặt hàng mới khác cho các thị trường này.



+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

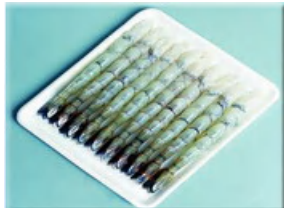
Đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng chuỗi sản phẩm phẩm tinh chế có giá trị cao vào các thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu, v.v... tăng tính cạnh tranh mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Đơn vị.

Tiếp tục cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng cho các thị trường truyền thống, đồng thời kết hợp với các nhà phân phối lớn nghiên cứu sản phẩm đáp ứng theo thị hiếu tiêu dùng từng thị trường và vùng miền trên thế giới.

Đầu tư và mở rộng vùng nuôi tôm theo mô hình GAP vừa tạo nguồn nguyên liệu sạch cung ứng cho công tác chế biến vừa bảo vệ môi trường không gây hại cho cộng đồng.

Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:

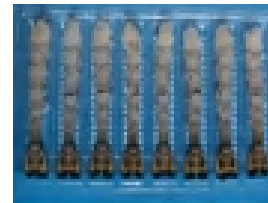
❖ **Dòng sản phẩm tôm NOBASHI**



Nobashi EBI



Nobashi EBI



Nobashi EBI

❖ **Dòng sản phẩm tôm tươi**



Raw Butterfly



Raw HLSO

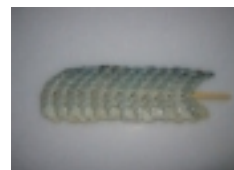


Raw HLSO EZ PEEL

❖ **Dòng sản phẩm tôm xiên que**



Double Piercing Pto Skewer



Single Piercing PD Skewer

❖ **Dòng sản phẩm tôm phối trộn**



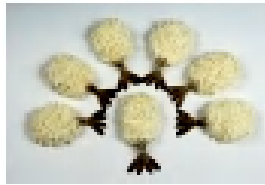
Shrimp Paste Covered With Cabbage



Shrimp Paste With Bitter Melon



❖ **Dòng sản phẩm tôm tẩm bột**



Breaded Butter Fly



Breaded PD Color



Breaded PD White



Breaded PTO Curve



Breaded PTO Straight



Coconut Breaded ButterFly

❖ **Dòng sản phẩm tôm hấp chín**



Cooked HOSO



Cooked PD



Cooked PTO



Cooked whole shrimp



Cooked whole shrimp



Sushi EBI

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

Năm 2009, Hội đồng quản trị đã đề ra nhiều định hướng, các giải pháp hỗ trợ cho Ban điều hành công ty trong việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, cụ thể như:

1. Tích cực đưa sản phẩm mang thương hiệu UTXICO vào các thị trường mới thông qua mối quan hệ với khách hàng truyền thống, đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm công ty tại thị trường Hoa Kỳ, sau khi phân đấu lấy chứng nhận ACC tại đơn vị.
2. Tăng cường việc thu mua và dự trữ nguyên liệu đảm bảo đủ chất và số lượng cung cho chế biến xuất khẩu.
3. Giữ vững và nâng cao các hệ thống quản lý chất lượng đã được chứng nhận như: ISO 9001: 2000, ISO 1400: 2004, ISO 22000: 2005, BRC phiên bản 4, IFS hiện đang áp dụng tại công ty, nhằm đảm bảo giữ vững các thị trường truyền thống và tạo sự an tâm cho các khách hàng ở các thị trường khác đáp ứng được xu hướng hiện nay.



4. Tích cực tìm nguồn bổ sung cho kế hoạch tài chính của công ty, thông qua mối liên kết với các Ngân hàng thương mại ở địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thu mua nguyên liệu và mở rộng công tác sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu.

Với tích cực tham gia điều hành hoạt động, chỉ đạo kịp thời theo xu hướng thị trường, năm 2009 kết quả sản xuất kinh doanh đạt so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao cho, cụ thể:

Năm 2009, doanh thu đạt 1.294 tỷ đồng đạt 99,9% so với kế hoạch năm 2009 (1.295 tỷ đồng) và tăng 48,2% so với doanh thu thực hiện năm 2008 (873 tỷ đồng).

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 28,46 tỷ đồng đạt 111,6% so với kế hoạch năm 2009 (25,5 tỷ đồng), tăng 371% so với lợi nhuận năm 2008 (6,03 tỷ đồng).

Nhìn chung năm 2009 hiệu quả kinh doanh tăng mạnh so với năm 2008: doanh thu tăng 48,2%, lợi nhuận tăng 371%. Nguyên nhân tăng là do năm 2009 kinh tế thế giới trên đà phục hồi tốt sau cuộc khủng hoảng sâu về tài chính vào cuối năm 2008. Các nước nhập khẩu tăng trưởng trở lại, nhu cầu thực phẩm tăng lên đặc biệt là mặt hàng thủy sản. Cùng với chính sách tiền tệ được nới lỏng, gói kích cầu của Chính phủ (hỗ trợ 4% lãi suất) dẫn đến chi phí đầu vào giảm tạo ra hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2009.

Bên cạnh những thuận lợi trên, nhưng vẫn còn khó khăn, diễn biến tỷ giá bất thường gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Đặc biệt tỷ giá niêm yết ở các ngân hàng thương mại không phản ánh xác thực thị trường ngoại tệ trong nước. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp có nguồn thu chủ yếu là dollar, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

III. Báo cáo của Ban tổng giám đốc:

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2008
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Chỉ số thanh toán hiện hành	Lần	0,849	0,844
Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	0,442	0,159
2. Chỉ số về cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	69,35	66,98
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	30,65	33,02
3. Chỉ số về cơ cấu nguồn vốn			
Tổng nợ / Tổng nguồn vốn	%	81,59	81,01
Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	18,41	18,99
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất LNS.thuê/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,98	0,62
Tỷ suất LNS.thuê/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,08	2,68
Tỷ suất LNS.thuê/Tổng tài sản (ROA)	%	2,22	0,51
5. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	Đồng	1.501	320



Trong năm 2009, Hội đồng quản trị quyết định góp vốn bằng bất động sản không phục vụ trong sản xuất kinh doanh ở đơn vị đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị đầu khí Cửu Long với số tiền đầu tư: 45 tỷ đồng (tương đương 18% vốn điều lệ). Dự án khu đô thị 5a là dự án góp phần rất lớn về nhu cầu nhà ở và các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu cộng đồng dân cư, đây là dự án rất khả thi nằm trong chuỗi đô thị mới nâng tầm cho thành phố Sóc Trăng trở thành đô thị văn minh.

Trong năm 2009, doanh thu đạt 1.294 tỷ đồng đạt 99,9% so với kế hoạch năm 2009 (1.295 tỷ đồng) và tăng 48,2% so với doanh thu thực hiện năm 2008 (873 tỷ đồng).

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là: 28,46 tỷ đồng đạt 111,6% so với kế hoạch năm 2009 (25,5 tỷ đồng) và tăng 371% so với lợi nhuận thực hiện năm 2008 (6,03 tỷ đồng).

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận năm 2009 tăng mạnh so với năm 2008 là do kinh tế thế giới trên đà phục hồi phát triển sau giai đoạn khủng hoảng sâu về tài chính kinh tế vào cuối năm 2008. Đó là dấu hiệu rất tốt đến sự phát triển của Công ty. Thời điểm này, người dân trên thế giới bắt đầu chi tiêu nhiều hơn cho bữa ăn thường nhật, chất lượng cuộc sống được cải thiện hơn trước chính những nguyên nhân trên Công ty đã đạt và vượt kế hoạch năm 2009.

- Tổng giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009 là: 1.147.293.180.430 đồng.

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/04/2010:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phần	Số tiền theo mệnh giá (1.000 đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông Nhà Nước	0	0	0	0,00%
2. Cổ đông là pháp nhân:	07	2.433.822	24.338.220	12,48%
3. Cổ đông là cá nhân:	428	17.066.178	170.661.780	87,52%
Tổng cộng	435	19.500.000	195.000.000	100,00%

- Cổ phiếu ưu đãi: 0,00 cổ phần;
- Cổ phiếu phổ thông: 19.500.000 cổ phần;
 - + Cổ phiếu đang lưu hành: 19.495.500 cổ phần;
 - + Cổ phiếu quỹ: 4.500 cổ phần.
- Cổ tức dự kiến chia năm 2009: 10% trên mệnh giá.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Mục tiêu phát triển năm 2010

- Năm 2010 là năm chứng kiến đà phát triển mạnh sau hơn một năm nền kinh tế thế giới vượt qua cuộc khủng hoảng, người dân trên thế giới bắt đầu chi tiêu cho tiêu dùng nhiều hơn, cuộc sống được cải thiện hơn. Tạo ra cơ hội mới trong hoạt động cung cấp thực phẩm chế biến từ thủy sản trên thị trường quốc tế.
- Từ sự chuyển biến tốt của thị trường thực phẩm thủy sản, cùng với cơ hội phát triển chung của nền kinh tế thới giới, Hội đồng quản trị Công ty kỳ vọng năm 2010 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh rất thuận lợi, tạo đà tăng trưởng cho các năm tiếp theo.
 - Chính những điều kiện trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau:



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng doanh thu dự kiến:	Tr.đồng	1.468.000	
	- Doanh thu xuất khẩu: 72.000.000 usd	Tr.đồng	1.368.000	19.000 đ/usd
	- Doanh thu nội địa và doanh thu khác:	Tr.đồng	100.000	
2	Sản lượng sản xuất:	Tấn	10.000	100%
	- Tôm hấp:	Tấn	1.100	11,00%
	- Tôm tươi:	Tấn	4.300	43,00%
	- Tôm tẩm bột:	Tấn	2.100	21,00%
	- Tôm Nobashi:	Tấn	2.500	25,00%
3	Lợi nhuận sau thuế dự kiến:	Tr.đồng	29.360	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu dự kiến:	Đồng	1.505	
5	Lợi tức dự kiến chia dự kiến:	%	12- 15%	19.500.000cp

Kế hoạch thực hiện:***. Về Kế hoạch huy động nguồn vốn, phục vụ cho yêu cầu phát triển Công ty:**

- Căn cứ theo kế hoạch được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 25/04/2009, vào quý 1/2010 sẽ thực hiện bước 2 việc huy động thêm nguồn vốn, trong việc phát hành cho các cổ đông hiện hữu với số lượng 2.500.000 cổ phần tương đương 25 tỷ đồng. Công tác phát hành đã hoàn tất, quyết toán xong và báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước vào ngày 13/04/2010.
- Với nguồn vốn tăng thêm, cộng với việc huy động các khoản vay tín dụng đã được các Ngân hàng và tổ chức tín dụng khu vực tỉnh Sóc Trăng đồng ý trên kế hoạch, sẽ góp phần vào trong công tác thu mua nguồn nguyên liệu đáp ứng nhu cầu kế hoạch chế biến và xuất khẩu trong năm 2010. Đồng thời thực hiện kế hoạch mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

***. Thực hiện việc đầu tư vào các Dự án, bao gồm:**

- Năm 2009 Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư & phát triển đô thị dầu khí Cừ Long thực hiện dự án phát triển Khu đô thị mới 5a, đường Mạc Đĩnh Chi, thành phố Sóc Trăng đây là dự án nhiều triển vọng mang về lợi nhuận cho Đơn vị.
- Theo kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2010 của Đơn vị liên kết, năm 2010 Công ty thu về từ nguồn đầu tư này khoảng 5 tỷ đồng.

***. Củng cố, sắp xếp lại công tác tổ chức và kiểm soát tốt chi phí sản xuất:**

- Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc sẽ sắp xếp tổ chức bộ máy quản trị sản xuất cho phù hợp với tình hình phát triển mới. Tinh gọn bộ máy quản lý, bố trí phù hợp từng vị trí trong hoạt động sản xuất hướng đến quản trị hiệu trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cho từng hoạt động sản xuất, chánh những lãng phí không cần thiết từng bước nâng cao công tác quản trị sản xuất mang lại lợi ích cho Đơn vị, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2010.



***. Tăng sản lượng, tăng mặt hàng và thị trường xuất khẩu, tiếp tục triển khai kế hoạch tiêu thụ mạnh sản phẩm UTXICO tại thị trường nội địa:**

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các thiết bị phụ trợ trong dây chuyền sản xuất của Xi nghiệp Hoàng Phương và XN Hoàng Phong, nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm và tăng năng suất cũng như sản lượng, đồng thời đảm bảo chế biến những mặt hàng mới theo yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu UTXICO ngay tại thị trường nội địa. Qua các năm doanh thu nội địa tăng rất mạnh, cùng với cơ cấu lợi nhuận trên doanh thu khá cao (18%) và ít rủi ro. Nó sẽ góp phần rất lớn trong tổng thu nhập của Công ty nếu khai thác tốt thị trường này.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu: Ngoài những thị trường truyền thống hiện nay như: Nhật, các nước Châu Âu, Úc – Công ty đang hướng ra thị trường các nước Đông Âu, Châu Á, Trung quốc và các nước A Rập – dựa trên sản phẩm đa dạng, chất lượng và sản lượng xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Tăng cường đẩy mạnh các sản phẩm sang thị trường Mỹ, do tại đây đã có đối tác là Công ty T&T sẽ tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm UTXICO tại các siêu thị, Nhà hàng, v.v. . tại Hoa kỳ.

***. Xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất:**

- + Tập trung vào các ao nuôi hiện nay do Phòng Đầu tư Công ty ký hợp đồng đầu tư và theo dõi quản lý, xây dựng các ao nuôi thí điểm: phục vụ cho việc áp dụng các tiêu chuẩn GAP cho vùng nuôi.
- + Liên kết 3 nhà: Hộ nuôi tôm – Ngân hàng – Công ty, trong đó: Ngân hàng sẽ tiếp cận với các hộ nuôi tôm, thông qua giới thiệu của Công ty, sau khi thẩm định sẽ đầu tư vốn, thức ăn, con giống (có chọn lọc), Công ty tổ chức kỹ sư đến các hộ nuôi để tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ về mặt kỹ thuật - tổ chức thu mua sản phẩm; các hộ nuôi lo ao nuôi, trực tiếp nuôi tôm và có nghĩa vụ hoàn vốn và lãi cho Ngân hàng.
- + Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, nhằm ngăn chặn kịp thời dư lượng chất kháng sinh theo qui định.
- + Dự kiến được tình hình thiếu hụt nguồn nguyên liệu chính là: tôm sú do mất mùa và sụt giảm gần 30% diện tích ao nuôi trong Tỉnh; Công ty đã có kế hoạch chuyển đổi sang một số loại nguyên liệu khác như: tôm thẻ, các loại tôm biển, thông qua việc triển khai các mẫu sản phẩm mới theo nguồn nguyên liệu đã chuyển đổi, chào hàng và đã nhận được những hợp đồng mới từ phía khách hàng, trên cơ sở đó đại diện Công ty đã ký hợp đồng với một số đơn vị ở khu vực miền trung cung cấp nguyên liệu cho Công ty trong thời gian tới.

Những khó khăn từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn còn và Công ty chúng ta sẽ còn khó khăn trong năm 2010. Nó sẽ tác động trực tiếp đến quá trình phát triển cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Nhưng sự nỗ lực và quyết tâm cao Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty sẽ đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

IV. Báo cáo tài chính năm 2009:

Báo cáo tài chính năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kế toán Phía Nam (AASCS):

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ tám ngày 07/12/2009 do Sứ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 170.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 170.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
- Xi nghiệp nuôi trồng thủy sản Út Xi	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp kho vận Hoàng Nhã	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Văn phòng đại diện	Số R2 - 48 Đai lộ Bùi Bằng Đoàn, khu Hưng Gia 4 Phú Mỹ Hưng, Q7, TP. HCM

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 25.515.111.257 VND (Năm 2008 lợi nhuận sau thuế là 5.435.539.944 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 22.138.773.009 VND (Năm 2008 lợi nhuận chưa phân phối là 17.445.950.439 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Xi	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Triệu Đông	Phó Chủ tịch
Ông :	Trương Văn Phước	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Bà :	Mai Thị Hồng Nga	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Triệu Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc





Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Trần Văn Bửu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Lê Thanh Sơn	Thành viên BKS
Ông :	Lê Phước Sang	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 23 tháng 05 năm 2010

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(Signature)

Nguyễn Thị Xi

Tp.HCM, ngày 23 tháng 05 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

(Signature)
Nguyễn Tuấn Anh





Số: 246/2010/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính năm 2009
của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi*

Kính gửi:

- Các cổ đông Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi được lập ngày 12/03/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Hội đồng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Chung chi KTV số: D0064/KTV

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa
Chung chi KTV số: 0424/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI
Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, Mỹ Xuyên, Sóc TrăngBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		795.731.189.171	715.301.433.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	12.797.207.017	8.201.627.642
1. Tiền	111		12.797.207.017	8.201.627.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	22.496.669.130	1.586.494.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121		22.496.669.130	1.586.494.500
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		369.574.405.216	125.006.797.481
1. Phải thu khách hàng	131		344.110.484.394	119.804.510.224
2. Trả trước cho người bán	132		23.852.129.926	6.109.836.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	11.484.558.557	4.233.848.898
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(9.872.767.661)	(5.141.397.712)
IV. Hàng tồn kho	140	4	381.076.294.545	577.462.993.498
1. Hàng tồn kho	141		381.076.294.545	577.462.993.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	9.786.613.263	3.043.520.113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.461.298.934	2.828.228.096
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5.1	175.788.771	119.951.017
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.2	5.149.525.558	95.741.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		351.561.991.259	352.683.325.387
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		290.645.666.453	328.425.881.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	241.791.521.663	257.611.613.096
- Nguyên giá	222		299.465.182.472	307.298.482.590
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57.673.660.809)	(49.686.869.494)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	46.873.967.869	60.194.973.069
- Nguyên giá	228		47.019.933.513	60.308.933.513
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(145.965.644)	(113.960.444)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.980.176.921	10.619.294.988
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	56.020.000.000	18.320.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9.1	47.000.000.000	11.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.2	9.020.000.000	7.020.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.896.324.806	5.937.444.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.896.324.806	5.937.444.234
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.147.293.180.430	1.067.984.758.621



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI
Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, Mỹ Xuyên, Sóc TrăngBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		936.173.590.324	865.213.042.913
I. Nợ ngắn hạn	310		936.173.590.324	847.213.042.913
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	876.080.302.792	815.527.325.418
2. Phải trả người bán	312		47.139.386.393	20.344.014.357
3. Người mua trả tiền trước	313		665.053.648	649.478.633
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.534.498.367	1.070.268.898
5. Phải trả công nhân viên	315		4.306.877.000	2.495.115.500
6. Chi phí phải trả	316	13	2.337.003.442	2.291.520.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	3.110.468.682	4.835.320.107
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	18.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	-	18.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	16	211.119.590.106	202.771.715.708
I. Vốn chủ sở hữu	410		204.002.193.992	197.914.605.720
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(142.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		261.010.140	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		734.574.319	734.574.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.009.836.524	1.734.080.962
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		22.138.773.009	17.445.950.439
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI
Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		7.117.396.114	4.857.109.988
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		7.117.396.114	4.857.109.988
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.147.293.180.430	1.067.984.758.621

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		173.780,94	9.460,73
- EUR		189,43	199,44
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, Ngày 12 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	1.294.037.132.613	873.996.802.315
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		6.914.871.295	598.413.740
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.287.122.261.318	873.398.388.575
4. Giá vốn hàng bán	18	1.130.461.478.219	722.891.767.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.660.783.099	150.506.621.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	7.308.581.069	12.014.133.384
7. Chi phí tài chính	19	93.960.031.230	104.367.026.633
+ Trong đó: chi phí lãi vay		61.859.733.583	86.288.572.279
8. Chi phí bán hàng		43.316.253.902	37.273.787.720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.919.824.740	16.990.519.608
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.773.254.296	3.889.420.992
11. Thu nhập khác		23.720.778.543	3.109.113.973
12. Chi phí khác		9.032.564.796	962.159.805
13. Lợi nhuận khác		14.688.213.747	2.146.954.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.461.468.043	6.036.375.160
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	2.946.356.786	600.835.216
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.515.111.257	5.435.539.944
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		1.501	408

Lập, Ngày 12 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm 2009*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.092.918.416.285	833.638.768.382
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(928.301.096.966)	(691.521.134.306)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(48.919.709.200)	(58.747.066.525)
4. Tiền chi trả lãi vay		(86.176.416.886)	(90.188.785.739)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.530.437.837)	(645.111.640)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		71.150.944.043	64.142.609.993
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(93.803.493.847)	(36.939.015.321)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.338.205.592	19.740.264.844
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(837.105.748)	(38.582.368.611)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	641.748.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(813.622.646)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(39.865.259.130)	(1.586.494.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.186.494.500	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.490.710.925	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.025.159.453)	(40.340.737.757)

(tiếp theo trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm 2009*

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	48.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(142.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.259.530.650.556	3.303.670.441.639
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.219.843.029.594)	(3.314.184.048.606)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.005.000.000)	(12.993.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.540.620.962	24.493.093.033
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.853.667.101	3.892.620.120
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.201.627.642	4.307.886.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		741.912.274	1.120.842
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		12.797.207.017	8.201.627.642

Lập, Ngày 12 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Anh





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ tám ngày 07/12/2009 do Sơ Kế hoạch và Dấu tư tình Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 170.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 170.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
- Xi nghiệp nuôi trồng thủy sản Út Xi	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp kho vận Hoàng Nhà	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Văn phòng đại diện	Số R2 - 48 Đại lộ Bùi Bằng Đoàn, khu Hưng Gia 4 Phú Mỹ Hưng, Q7, TP. HCM

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng, chế biến và mua bán thủy sản; nuôi trồng, sản xuất và mua bán con giống thủy sản các loại;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho chứa hàng; đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu; máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản có dạng hữu hình, tài sản có định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 15 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05 - 10 năm





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

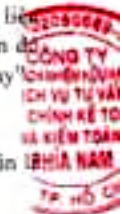
Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán,
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.219.775.111	52.491.969
Tiền gửi ngân hàng	11.060.883.906	8.149.135.673
Tiền gửi VND	7.938.102.061	7.983.152.522
Tiền gửi ngoại tệ	3.122.781.845	165.983.151
Tiền đang chuyển	516.548.000	-

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2009 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận sổ che của Ngân hàng.

Tổng cộng	12.797.207.017	8.201.627.642
------------------	-----------------------	----------------------

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (nuôi tồn)	14.096.669.130	1.586.494.500
Trong đó:		
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	4.374.774.508	1.386.494.500
+ Huỳnh Thị Mai	4.000.000.000	-
+ Lê Hoàng Nam	2.496.684.870	-
- DNTN Nghĩa Nương	200.000.000	-
- DNTN Phương Hà	860.958.333	-
+ Trần Đức Hoi	137.252.900	-
+ Trần Văn Chiểu	760.000.000	-
+ DNTN Vĩnh Thịnh	1.266.998.519	-
+ Đại lý Nghĩa	-	200.000.000
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn)	8.400.000.000	-
Trong đó:		
- Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	8.400.000.000	-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Tổng cộng	22.496.669.130	1.586.494.500

CÓI
LỊCH N
QUẢN S
VI CHẾ
VA KI
PHI
T P

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2009***3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
	11.484.558.557	4.233.848.898
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	11.484.558.557	4.233.848.898

*Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2009 là:**Trong đó:*

+ Công Ty TNHH Trung Nam	751.096.000
+ Công Ty TNHH Phúc Tân	902.006.219
+ Lưu Khánh Vân	441.790.646
+ Lương Văn Hùng	383.410.327
+ VP Luật sư Bạch Sỷ Chất	360.000.000
+ Quách Tấn Tài	356.717.659
+ Huỳnh Xuân Phong	179.131.445
+ Lâm Thị Bạch Mơ	210.000.000
+ Lê Thị Kiều (Cty TNHH XD và TM Minh Châu)	6.500.000.000
+ Lãi trái phiếu Ngân Hàng NN&PT Nông Thôn	686.000.000
- Các đối tượng khác	714.406.261

*Tổng cộng***11.484.558.557****4. HÀNG TỒN KHO**

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	2.829.623.097	4.217.156.112
- Công cụ, dụng cụ	3.439.349.071	4.557.640.285
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.528.864.513	-
- Thành phẩm	373.278.457.864	568.688.197.101
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	<u>381.076.294.545</u>	<u>577.462.993.498</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2009***5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC****5.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước**

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	175.788.771	119.951.017
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	
+ Thuế xuất, nhập khẩu	175.788.771	119.951.017
Tổng cộng	175.788.771	119.951.017

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.2. Tài sản ngắn hạn khác

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
5.2.1. Tạm ứng	1.143.759.368	95.341.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Nguyễn Thị Thanh Thùy	720.000.000	-
+ Nguyễn Văn Lạc	173.848.068	-
+ Trương Trúc Linh	139.885.500	-
+ Hứa Thành	70.000.000	70.000.000
+ Trần Hữu Chiến	-	2.560.000
+ Các đối tượng khác	40.025.800	22.841.000
5.2.2. Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	4.005.766.190	-
<i>Trong đó:</i>		
+ Ngân Hàng Ngoại Thương - CN Sóc Trăng	4.005.766.190	-
Tổng cộng	5.149.525.558	95.341.000





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

6. TÀNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	155.700.867.491	130.506.511.331	12.949.539.845	2.243.036.201	5.898.527.722	307.298.482.590
2. Số tăng trong năm	4.172.349.143	5.438.553.510	581.380.952	-	-	10.192.283.605
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm						-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	4.172.349.143	5.438.553.510	581.380.952			10.192.283.605
- Tăng khác						-
3. Số giảm trong năm	6.498.964.420	10.650.392.085	863.827.218	12.400.000	-	18.025.583.723
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	4.034.817.087	10.650.392.085	863.827.218	12.400.000		15.561.436.390
- Giảm khác	2.464.147.333					2.464.147.333
4. Số dư cuối năm	153.374.252.214	125.294.672.756	12.667.093.579	2.230.636.201	5.898.527.722	299.465.182.472
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	19.684.930.428	22.880.925.102	5.223.843.013	1.103.739.241	793.431.710	49.686.869.494
2. Khấu hao trong năm	6.141.256.895	8.711.968.050	1.329.500.083	184.625.419	541.152.648	16.908.503.095
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	6.141.256.895	8.711.968.050	1.329.500.083	184.625.419	541.152.648	16.908.503.095
- Tăng khác						-
3. Giảm trong năm	2.234.753.427	6.116.919.684	562.185.356	7.853.313	-	8.921.711.780
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	938.861.818	6.116.919.684	562.185.356	7.853.313		7.625.820.171
- Giảm khác	1.295.891.609					1.295.891.609
4. Số dư cuối năm	23.591.433.896	25.475.973.468	5.991.157.740	1.280.511.347	1.334.584.358	57.673.660.809
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	136.015.937.063	107.625.586.229	7.725.696.832	1.139.296.960	5.105.096.012	257.611.613.096
2. Tại ngày cuối năm	129.782.818.318	99.818.699.288	6.675.935.839	950.124.854	4.563.943.364	241.791.521.663

22



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2009

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	60.003.755.861				305.177.652	60.308.933.513
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm						-
- Tăng khác						-
3. Số giảm trong năm	13.289.000.000	-	-	-	-	13.289.000.000
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Góp vốn đầu tư	13.289.000.000					13.289.000.000
4. Số dư cuối năm	46.714.755.861	-	-	-	305.177.652	47.019.933.513
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm					113.960.444	113.960.444
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	-	32.005.200	32.005.200
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm					32.005.200	32.005.200
- Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	145.965.644	145.965.644
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
1. Tại ngày đầu năm	60.003.755.861	-	-	-	191.217.208	60.194.973.069
2. Tại ngày cuối năm	46.714.755.861	-	-	-	159.212.008	46.873.967.869



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Chi phí XD/CB dở dang	1.327.451.947	9.985.201.814
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
- Xi Nghiệp Hoàng Phong	10.000.000	10.000.000
- Xi Nghiệp Hoàng Nhả	12.800.000	9.251.142.653
- Xi Nghiệp Nuôi Trồng	21.171.033	21.171.033
- Văn phòng công ty	1.283.480.914	702.888.128
- Mua sắm tài sản cố định	652.724.974	634.093.174
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	1.980.176.921	10.619.294.988

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**9.1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công Ty TNHH Minh Đăng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công Ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	45.000.000.000	9.300.000.000
Tổng cộng	47.000.000.000	11.300.000.000

9.2. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-
2. Đầu tư trái phiếu	-	-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
4. Cho vay dài hạn	-	-
5. Đầu tư dài hạn khác (*)	9.020.000.000	7.020.000.000
Tổng cộng	9.020.000.000	7.020.000.000

Ghi chú:

Chi tiết số dư khoản mục đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2009 là:

+ Trái phiếu Ngân Hàng NN&PT NN Việt Nam-CN Sóc Trăng	7.000.000.000
+ Trái phiếu Chính Phủ	20.000.000
+ Trái phiếu Tổng Công Ty Tài Chính Dầu Khí Việt Nam	2.000.000.000

Tổng cộng	9.020.000.000
------------------	----------------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
- Chi phí CCDC xuất dùng có giá trị lớn	1.760.810.041	2.837.850.845
- Chi phí hệ thống pallet	1.111.298.000	
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa	105.975.000	-
- Chi phí đánh giá ISO, BGC, IFS	173.947.000	-
- Chi phí khác	1.744.294.765	3.099.593.389
Tổng cộng	4.896.324.806	5.937.444.234

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
11.1. Vay ngắn hạn	876.080.302.792	815.527.325.418
- Vay ngân hàng bằng VND:	801.844.311.975	732.244.394.316
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	39.910.000.000	21.500.000.000
Ngân Hàng HSBC	2.914.146.959	14.710.000.000
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn	366.220.165.016	386.053.114.316
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	118.600.000.000	119.981.280.000
CN Ngân Hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	222.900.000.000	190.000.000.000
Tổng Công Ty Tài Chính Dầu Khí Việt Nam - CN Cần Thơ	51.300.000.000	-
- Vay ngân hàng bằng ngoại tệ (USD)	74.235.990.817	83.282.931.102
Ngân Hàng TMCP Á Châu Thái Bình Dương	-	-
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	22.732.649.986	33.105.150.000
Ngân Hàng HSBC	-	29.689.726.138
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn	49.833.711.004	5.641.609.897
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	1.669.629.827	14.846.445.071
- Vay đối tượng khác	-	-
11.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	876.080.302.792	815.527.325.418

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
12.1. Thuế phải nộp nhà nước	2.359.534.490	895.305.021
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TTDB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	2.132.900.250	717.161.301
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	-	-
- Các loại thuế khác	226.634.240	178.143.720
+ Thuế thu nhập cá nhân	226.634.240	178.143.720
+ Các loại thuế khác	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

12.2. Các khoản phải nộp khác	174.963.877	174.963.877
- Các khoản phí, lệ phí	174.963.877	174.963.877
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	2.534.498.367	1.070.268.898

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Trích trước chi phí tiền lương	-	2.291.520.000
- Trích chi phí lãi vay	2.151.003.442	-
- Trích trước chi phí khác	186.000.000	-
Tổng cộng	2.337.003.442	2.291.520.000

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT	-	88.028.046
- BHXH	307.402.341	735.524.351
- KPCĐ	122.342.976	111.721.194
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.680.723.365	3.900.046.516
Tổng cộng	3.110.468.682	4.835.320.107

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2009 là:

Trong đó:

+ Nguyễn Hoàng Phương	1.375.395.500
+ Nguyễn Thị Thanh Thúy	978.578.000
+ Tiên Cẩm Châu	240.000.000
+ Các đối tượng khác	86.749.865
Tổng cộng	2.680.723.365

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
15.1. Vay dài hạn	-	18.000.000.000
- Vay ngân hàng	-	18.000.000.000
+ Vay ngân hàng bằng VND (NHNN & PT tỉnh Sóc Trăng)	-	18.000.000.000
+ Vay ngân hàng bằng ngoại tệ (USD)	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
15.2. Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	-	18.000.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU*16.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

A.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	1	2	3	4	5	6
- Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	-	-	734.574.319	1.471.137.981	26.102.539.438
- Tăng trong năm trước	40.000.000.000	8.000.000.000	-	-	262.942.981	5.435.539.944
<i>Trong đó:</i>						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	40.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	5.435.539.944
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	262.942.981	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	14.092.128.943
<i>Trong đó:</i>						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HDCD	-	-	-	-	-	788.828.943
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	262.942.981
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	525.885.962
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	12.983.300.000
- Chi khác	-	-	-	-	-	320.000.000
- Số dư cuối năm trước	170.000.000.000	8.000.000.000	-	734.574.319	1.734.080.962	17.445.950.439



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

B.	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	170.000.000.000	8.000.000.000	-	734.574.319	1.734.080.962	17.445.950.439
- Tăng trong năm nay	-	-	(142.000.000)	-	1.275.755.562	25.515.111.257
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	25.515.111.257
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	1.275.755.562	-
- Tăng mua lại cổ phiếu	-	-	(142.000.000)	-	-	-
- Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	20.822.288.687
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCB	-	-	-	-	-	3.827.266.687
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	1.275.755.562
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	2.551.511.125
. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
- Chi mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	16.995.022.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm nay	170.000.000.000	8.000.000.000	(142.000.000)	734.574.319	3.009.836.524	22.138.773.009



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	170.000.000.000	170.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	170.000.000.000	130.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	40.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	16.995.022.000	12.983.360.000

16.3. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	đự kiến 10% - 12%	10%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

16.4. Cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.000.000	17.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.000.000	17.000.000
+ Cổ phiếu thường	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	4.500	-
+ Cổ phiếu thường	4.500	
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.995.500	17.000.000
+ Cổ phiếu thường	16.995.500	17.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	734.574.319	734.574.319
- Quỹ dự phòng tài chính	3.009.836.524	1.734.080.962
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.117.396.114	4.857.109.988
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

16.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

16.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

16.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỷ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

16.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

17. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
17.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	1.294.037.132.613	873.996.802.315
+ Doanh thu bán hàng	1.286.837.627.817	873.064.388.471
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.199.504.796	932.413.844
- Các khoản giảm trừ doanh thu	6.914.871.295	598.413.740
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán	441.442.620	2.445.000
+ Hàng bán bị trả lại	6.473.428.675	595.968.740
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
+ Thuế TTDB		
+ Thuế xuất khẩu		
- Doanh thu thuần	1.287.122.261.318	873.398.388.575
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	1.279.922.756.522	872.465.974.735
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	7.199.504.796	932.413.844
17.2. Doanh thu hoạt động tài chính	7.308.581.069	12.014.133.384
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	303.103.210	959.480.147
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.153.019.955	9.243.425.240
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.254.270.832
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	852.457.904	556.957.165

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	1.130.461.478.219	722.891.767.006
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng	1.130.461.478.219	722.891.767.006

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Chi phí lãi vay chiết khấu	1.769.428.929	2.411.206.497
- Chi phí lãi vay	61.859.733.583	86.288.572.279
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.328.389.137	14.441.000.029
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.226.247.828
- Chi phí tài chính khác	2.479.581	-
Tổng cộng	93.960.031.230	104.367.026.633

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.946.356.786	600.835.216
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	2.946.356.786	600.835.216

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	799.170.244.368	780.671.100.793
2. Chi phí nhân công	51.757.824.735	57.626.648.302
3. Chi phí dụng cụ sản xuất	3.176.086.277	35.666.319.409
4. Chi phí khấu hao TSCĐ	18.773.959.916	15.914.873.933
5. Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.439.701.526	45.324.947.157
6. Chi phí khác bằng tiền	8.284.264.144	11.568.785.548
Tổng cộng	992.602.080.966	946.772.675.340

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCs kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, Ngày 12 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

**V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:****1. Kiểm toán độc lập:**

Tổ chức chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2009:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM



Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3 8205944; Fax: (84.8) 3 8205942;

Website: www.aascs.com.vn

Xem chi tiết ý kiến của kiểm toán viên được trình bày ở mục IV báo cáo tài chính và chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

2. Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán viên nội bộ sau khi soát xét báo cáo tài chính do Phòng kế toán tài vụ lập gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 cũng như luồng tiền luân chuyển trong năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi cho năm tài chính 2009.

Sau khi tham khảo ý kiến của kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ Công ty chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi như trình bày ở mục IV.

VI. Các công ty có liên quan: Không.**VII. Tổ chức nhân sự:****Ban điều hành Công ty:****- Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Xi	Nữ	1941	6/12	Sóc Trăng	CT.HĐQT
2	Nguyễn Triệu Đông	Nam	1960	12/12	Sóc Trăng	PCT.HĐQT
3	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
4	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
5	Mai Thị Hồng Nga	Nữ	1978	12/12	Sóc Trăng	Thành viên

- Ban kiểm soát:

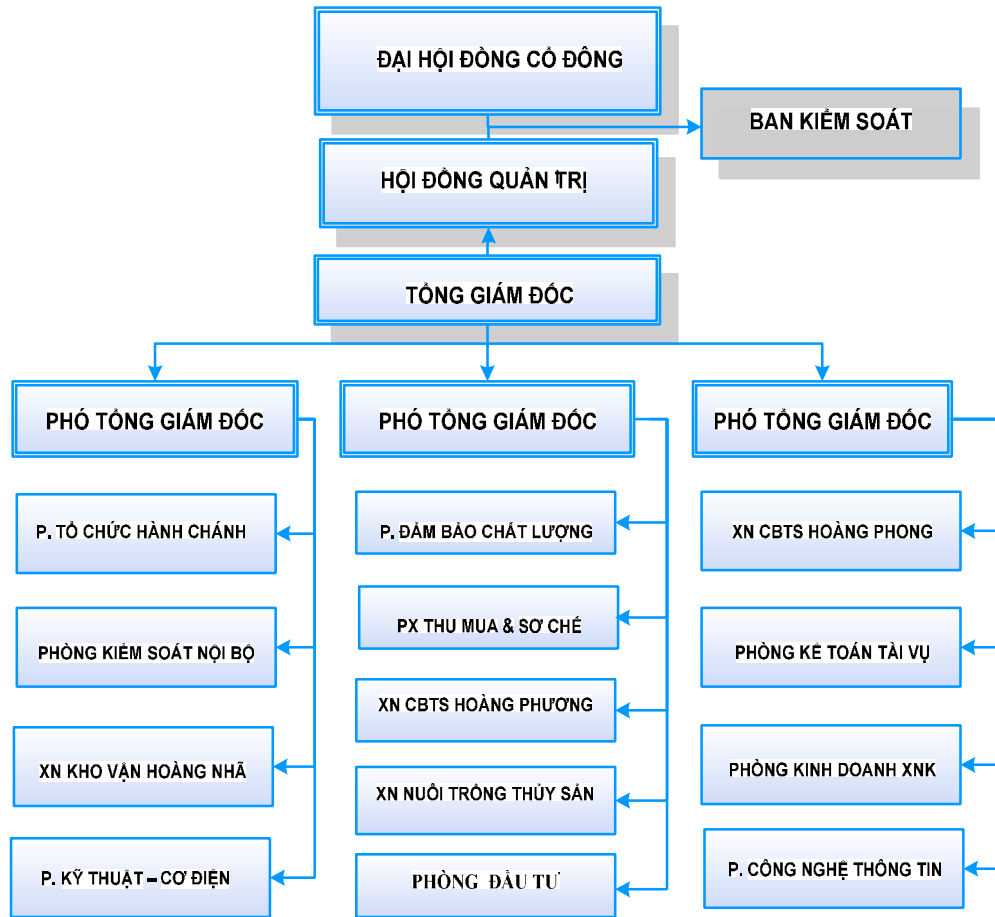
Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Trần Văn Bửu	Nam	1975	CN kinh tế	Hậu Giang	Trưởng ban
2	Lê Thanh Sơn	Nam	1959	TC pháp lý	Hậu Giang	Thành viên
3	Lê Phước Sang	Nam	1979	CN Kinh tế	Đồng Tháp	Thành viên

- Ban tổng giám đốc:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	1968	Th.sQTKD	Hà Tây	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Triệu Đông	Nam	1960	12/12	Sóc Trăng	PT giám đốc
3	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	PT giám đốc
4	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	PT giám đốc



Cơ cấu tổ chức:



*** Tóm tắt lý lịch các thành viên trong ban điều hành:**

- Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ XI

- ⌘ Giới tính: Nữ;
- ⌘ Ngày tháng năm sinh: 1941;
- ⌘ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
- ⌘ Quốc tịch: Việt Nam;
- ⌘ Dân tộc: Kinh;
- ⌘ Địa chỉ thường trú: 07B Ngô Quyền, P.1, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;
- ⌘ Điện thoại liên lạc: 079.3851367
- ⌘ Trình độ học vấn: 6/12
- ⌘ Trình độ chuyên môn:
- ⌘ Quá trình công tác:
 - Trước năm 1990: Mua bán nhỏ các mặt hàng thủy sản ở huyện Mỹ Xuyên.
 - Năm 1991-02/2002: Thành lập cửa hàng mua bán thủy sản – rồi chuyển lên DNTN Út Xi.



- T02 /2002 - nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. T6/2006 chuyển thành Công ty CP Chế biến thủy sản Út Xi

- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Họ và tên: NGUYỄN TRIỆU DŨNG

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 1960;
- ✧ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: Số BD.01-03 KDC Minh Châu, P7, Tp. Sóc Trăng;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660656;
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12
- ✧ Trình độ chuyên môn: CEO
- ✧ Quá trình công tác:
 - Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ: Trưởng trạm thu mua của các huyện Long Mỹ, Thốt Nốt.
 - 1994-02/2002: Phụ tiếp gia đình làm kinh doanh thủy sản.
 - T02/2002 - nay: Thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi, T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Phó CT HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
Phó tổng giám đốc Công ty.
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 1968;
- ✧ Nơi sinh: Chu Minh, Chu Quyển, Quốc Oai, Hà Tây;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: 541/85 Huỳnh Văn Bánh, Q.Phú Nhuận, Hồ Chí Minh;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3852950
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12;



- ✧ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân anh văn, nga văn;
- ✧ Quá trình công tác:
- Năm 1991- 1994: Công tác ở Công ty Liên doanh khách sạn Embassy
 - Năm 1995 - 2003: Phó phòng nghiệp vụ Ngân hàng CALYON
 - T08/20003 – 09/2009: Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi.
 - T09/2009 – nay: Tổng Giám Đốc Cty CP Chế biến Thủy sản Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Họ và tên: TRƯƠNG VĂN PHƯỚC

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 1959;
- ✧ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: 85A, Quốc lộ 1, P.2, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12
- ✧ Trình độ chuyên môn: CEO
- ✧ Quá trình công tác:
- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Trạm Giao dịch của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.
 - T02/2002 - nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty CP CBTS Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó tổng giám đốc Công ty.
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 1972;
- ✧ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: 35 Lý Đạo Thành, P.6, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;



- ✧ Trình độ học vấn: 12/12
- ✧ Trình độ chuyên môn: CEO
- ✧ Quá trình công tác:
 - Năm 1991 – 2001: Học phổ thông xong phụ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Út Xi.
 - T02/2002 – nay: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
Phó tổng giám đốc Công ty;
Giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng phương.
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Họ và tên: MAI THỊ HỒNG ANGA

- ✧ Giới tính: Nữ;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 1978;
- ✧ Nơi sinh: Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: 07B Ngô Quyền, P.1, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12
- ✧ Trình độ chuyên môn:
- ✧ Quá trình công tác:
 - Năm 1997: Sau khi học phổ thông, lập gia đình về ở bên chồng, phụ tiếp gia đình làm kinh doanh thủy sản.
 - T02/ 2002 – nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty CP Chế biến thủy sản Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
Thủ quỹ Công ty.
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

- Ban kiểm soát:

Họ và tên: TRẦN VĂN BỬU

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 02/12/1975;
- ✧ Nơi sinh: Lương Tâm, Long Mỹ, Hậu Giang;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;



- ☞ Dân tộc: Kinh;
- ☞ Địa chỉ thường trú: Số 23 LK36 đường số 8, khu đô thị 5a, P4, Tp S.Trăng;
- ☞ Điện thoại liên lạc: 079.3852671;
- ☞ Trình độ học vấn: 12/12
- ☞ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tổng hợp;
- ☞ Quá trình công tác:
- Năm 2001- 06/2006: Công tác tại Cty CP Cơ khí & Xây lắp Điện Bạc Liêu với chức vụ: Kế Toán Tổng Hợp.
- T06/2006 - nay: Công tác tại Công ty CP CBTS Út Xi.
- ☞ Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát;
Trưởng phòng KSNB Cty CP CBTS Út Xi.
- ☞ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Họ và tên: LÊ THANH SON

- ☞ Giới tính: Nam;
- ☞ Ngày tháng năm sinh: 1959;
- ☞ Nơi sinh: Thốt Nốt, Cần Thơ;
- ☞ Quốc tịch: Việt Nam;
- ☞ Dân tộc: Kinh;
- ☞ Địa chỉ thường trú: 4/48 huyện Thanh Quan, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, TPCT;
- ☞ Điện thoại liên lạc: 079.3660676;
- ☞ Trình độ học vấn: 12/12
- ☞ Trình độ chuyên môn: Trung cấp pháp lý;
- ☞ Quá trình công tác:
- Năm 1977 – 1982: Đi bộ đội công tác ở tỉnh Kam Pông Chơ Năng, Campuchia;
- T10/1982: Phục viên về công tác ở Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Phòng Tổ chức hành chính Công ty.
- Năm 1995: Xin nghỉ và về công tác tại địa phương;
- Năm 2000 – 2002: Công tác tại Phòng Kế hoạch của Công ty Giày Cần Thơ;
- T07/2002 - nay: Công tác tại Phòng Tổ chức Công ty Chế biến Thủy sản Út Xi.
- ☞ Chức vụ công tác hiện nay: Thư ký Hội đồng quản trị;
Thành viên Ban kiểm soát;
Trưởng phòng TCHC Cty CP CBTS Út Xi.
- ☞ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;



Họ và tên: LÊ PHƯỚC SANG

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 02/12/1980;
- ✧ Nơi sinh: Phong Hòa, Lai Vung, Đồng Tháp;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: Số 25-24 LK36 đường số 8, KĐT 5a, P4, Tp S.Trăng;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3852671;
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12;
- ✧ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tổng hợp;
- ✧ Quá trình công tác:
- T09/2001 - 12/2002: Kế toán trưởng Cty TNHH Chế biến Thủy sản Bạc Liêu.
 - T 01/2002 - 04/2004: Phó Phòng Kế toán Cty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; Kế toán trưởng Công ty TNHH XD & TM Minh Châu.
 - T04/2004 - 10/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH XD&TM Minh Châu.
 - T11/2007 - 03/2008: Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH XD&TM Minh Châu; Kế toán trưởng Cty CP ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long.
 - T04/2008 - đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Cty CP CBTS Út Xi; Kế toán trưởng Cty CP ĐT&PT Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát;
Kế toán trưởng Cty CP ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Cuộc họp ngày 28/8/2009 của Hội đồng quản trị xem xét đơn từ nhiệm chức vụ tổng giám đốc của Ông Tiêu Cẩm Châu, Hội đồng quản trị chấp thuận từ nhiệm của Ông Tiêu Cẩm Châu vì lý do sức khỏe và bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Anh làm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi từ ngày 01/09/2009.

Quyền lợi Ban tổng giám đốc: Ban tổng giám đốc hưởng lương hàng tháng theo quy chế tiền lương của Công ty được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị và tiền thưởng được hưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi quyết toán năm.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2009: 1.615 nhân sự, với trình độ chuyên môn như sau:



Stt	Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trình độ đại học trở lên:	120	7,43%
2	Trình độ trung cấp và tương đương:	150	9,29%
3	Công nhân có tay nghề chế biến thủy sản:	1.245	77,09%
4	Công nhân đang học nghề, thử việc:	100	6,19%
Tổng cộng		1.615	100,00%

Chính sách đào tạo:

Trong nền kinh tế tri thức, một trong những yếu tố tiên quyết đến sự thành công của doanh nghiệp là con người. Nhận thức được điều này, Công ty Út Xi xem công tác đào tạo và chính sách thu hút người lao động có tay nghề, chuyên môn cao là mục tiêu xuyên suốt đồng hành cùng doanh nghiệp.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Công ty Út Xi thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo tại doanh nghiệp và bên ngoài như: tổ chức triển khai huấn luyện công nhân sản xuất các sản phẩm mới, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2000, BRC (phiên bản 4), ISO 14001: 2004, ISO 22000:2005 .v.v... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ chuyên môn tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn bên ngoài nhằm hoàn thiện và cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn ngày một hiệu quả.

Chính sách lương, thưởng

Như đã đề cập ở trên, con người là nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó muốn giữ được người có tay nghề, chuyên môn tốt nhất là người giỏi, Công ty có chính sách đãi ngộ thông qua tiền lương, thưởng trả cho người lao động.

Công ty Út Xi trả lương theo sản phẩm làm ra, tạo sự công bằng cho người lao động. Cho nên, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, tạo ra tính cạnh tranh nâng cao năng suất trong sản xuất. Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Thu nhập bình quân/tháng (VNĐ)	1.750.000	1.850.000	2.030.000

Ngoài những khoản thu nhập từ lương, người lao động còn được Công ty bố trí nhà tập thể, hỗ trợ tiền nhà trọ cho những lao động làm việc từ 1 năm trở lên, phát phiếu ăn trưa....

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Cuộc họp ngày 28/8/2009 của Hội đồng quản trị xem xét đơn từ nhiệm chức vụ thành viên hội đồng quản trị của Ông Tiêu Cẩm Châu, Hội đồng chấp nhận từ nhiệm của Ông Tiêu Cẩm Châu vì lý do sức khỏe từ ngày 01/09/2009. Hội đồng quản trị thống nhất không bổ sung thêm thành viên hội đồng quản trị mới, và sẽ bầu bổ sung thành viên thay thành viên từ nhiệm vào kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên sắp tới.



VIII. Thông tin cổ đông và Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được nêu ở mục VII, các thành viên không trực tiếp điều hành Công ty gồm:

- | | |
|---------------------|-------------------------------|
| 1. Nguyễn Thị Xi | Chủ tịch Hội đồng quản trị; |
| 2. Mai Thị Hồng Nga | Thành viên hội đồng quản trị; |
| 3. Trần Văn Bửu | Trưởng Ban kiểm soát; |
| 4. Lê Thanh Sơn | Thành viên Ban kiểm soát; |
| 5. Lê Phước Sang | Thành viên Ban kiểm soát. |

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ đúng các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định điều lệ công ty.

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị tổ chức 13 phiên họp diễn ra từ tháng 05/2009 đến tháng 4/2010, nội dung gồm:

1. Thông qua dự thảo báo cáo tài chính và xét duyệt phân phối lợi nhuận năm 2009.
2. Thông qua phương hướng hoạt động năm 2009 và định hướng phát triển từ năm 2009 đến 2011.
3. Thông qua việc xây dựng hạn mức tín dụng của Công ty năm 2009 đối với các Ngân hàng thương mại. Quyết định về việc ủy quyền cho Tổng giám đốc công ty ký các hợp đồng tín dụng trong năm 2009 với các Ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư chi nhánh Sóc Trăng và các nơi khác.
4. Họp xem xét việc xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và từ chức tổng giám đốc của Ông Tiêu Cẩm Châu vì lý do sức khỏe, đồng thời quyết định việc lựa chọn người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp.
5. Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản việc lấy ý kiến cổ đông phát hành 2.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và tháng 03/2010.
6. Thông qua quy chế quản trị nội bộ Công ty.
7. Xem xét kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý, đồng thời đưa ra phương hướng và biện pháp thúc đẩy tăng trưởng hoạt động trong năm. Xem xét và đánh giá về việc thực hiện công tác điều hành của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
8. Thông qua các quyết định liên quan đến chính sách về lao động và tiền lương trong toàn công ty, theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 (ba) thành viên được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh theo nghị quyết đại hội đồng thông qua hàng năm.

Sau đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát tổ chức công tác giám sát định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm cụ thể như sau:

*** Về hoạt động kinh doanh:**

- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý;



- Giám sát việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tính pháp lý các giao dịch kinh tế, dân sự của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh.

*** Về hoạt động tài chính và đầu tư:**

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, đầu tư, mua sắm tài sản, các vấn đề về cổ phần và các vấn đề khác có liên quan của Công ty;
- Thẩm tra báo cáo tài chính; phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ, trích lập các quỹ;
- Kiểm tra, giám sát các giao dịch kinh tế, dân sự liên quan đến lĩnh vực tài chính, đầu tư.

*** Về tổ chức nhân sự:**

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật lao động và các chế độ đối với người lao động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong Công ty để đảm bảo công việc bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- **Các vấn đề khác:**

Theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Ban kiểm soát giám sát được Trưởng ban báo cáo lên Hội đồng quản trị trước khi trình cho Cổ đông.

Trong năm 2009, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào trong quản trị điều hành Công ty vi phạm Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:

Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2009:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
I. Hội đồng quản trị:			
1	Nguyễn Thị Xi	Chủ tịch Hội đồng quản trị	84.000.000
2	Nguyễn Triệu Dòng	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000
3	Trương Văn Phước	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
4	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
5	Mai Thị Hồng Nga	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
Cộng:			288.000.000
II. Ban kiểm soát:			
1	Trần Văn Bửu	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000
2	Lê Thanh Sơn	Thành viên kiểm soát	24.000.000
3	Lê Phước Sang	Thành viên kiểm soát	24.000.000
Cộng			84.000.000
Tổng cộng:			372.000.000



Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần Năm giữ	Tỷ lệ Năm giữ
1. Nguyễn Thị Xi	Chủ tịch HĐQT	4.473.530	22,94%
2. Nguyễn Triệu Đông	Phó chủ tịch HĐQT	2.535.000	13,00%
3. Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT	745.588	3,82%
4. Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	4.026.885	20,65%
5. Mai Thị Hồng Nga	Thành viên HĐQT	745.588	3,82%
Tổng cộng:		12.526.591	64,24%

Thông tin giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan các đối tượng nói trên.

Không có.

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 04 năm 2010

CÔNG TY CP CBTS ÚT XI
CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ XI